

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2017/HNGĐ - ST.

Ngày: 20 – 7 - 2017.

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đức;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Duyên.
2. Bà Nguyễn Thị Như Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang – Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2016/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2017/QĐXX-ST ngày 11 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lưu Văn D, sinh năm 1977(có mặt) .
2. Bị đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1982 (có mặt) .

Đều trú tại: Thôn N, xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
- NLQ1, sinh năm 1940(có mặt) .

Trú tại: thôn N, xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình.

- NLQ2, sinh năm 1958(vắng mặt) .

Trú tại: thôn N, xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình.

- NLQ3, sinh năm 1965(vắng mặt) .

Trú tại: xóm N, xã Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

- NLQ4, sinh năm 1971(vắng mặt) .

Trú tại: thôn L, xã N, huyện K, tỉnh Thái Bình.

- NLQ5, sinh năm 1975(vắng mặt) .

Trú tại: thôn N, xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình.

- + NLQ6 - sinh năm 1994(vắng mặt).
- + NLQ7 - sinh năm 1999 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7 là NLQ1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 10 năm 2016 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Lưu Văn D trình bày: anh và chị H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình vào ngày 12 tháng 01 năm 2001. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc, đến tháng 4 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân, nguyên nhân do chị H so sánh anh với chồng người khác, nói xấu mẹ chồng và anh em nhà chồng, không chung thủy. Sau khi mâu thuẫn xảy ra hai bên gia đình đã gặp nhau để họp và hòa giải để vợ chồng về chung sống nhưng chỉ được ít ngày lại xảy ra mâu thuẫn. Đến nay anh xác định vợ chồng không thể chung sống cùng nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị H.

- Về con chung: Anh và chị H có hai con chung là A - sinh ngày 06/12/2001 và B - sinh ngày 16/11/2011, hiện nay đang ở cùng với anh chị, vợ chồng ly hôn thì anh có nguyện vọng nuôi con A, để chị H nuôi con B, vì anh đi làm ăn xa nhà con A đã lớn tự lo được việc của bản thân.

- Về tài sản chung: ngôi nhà diện tích 60 m² xây năm 2009 ba gian mái bằng bê tông làm trên đất của bố mẹ đẻ anh; 01 chiếc xe máy BKS 17B1-781.37 đứng tên anh, mua năm 2010 hiện anh đang sử dụng, giá trị khoảng 16.000.000 đồng. Nguyện vọng của anh muốn được sử dụng nhà và xe, thanh toán tiền đất cho mẹ anh, thanh toán một nửa giá trị tài sản chung cho chị H. Về giá nhà và xe do hội đồng định giá quyết định anh nhất trí. Anh sẽ thanh toán đủ ½ giá trị tài sản chung cho chị H trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày 20/7/2017.

Về nợ chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí và chi phí tố tụng khác: Anh chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

* *Bị đơn chị H trình bày:* Chị và anh D tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình vào ngày 12/01/2001. Sau khi cưới vợ chồng sống cùng với bố mẹ anh D, vui vẻ hạnh phúc và sinh được hai con, đến tháng 4 năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D cho rằng chị đi với người đàn ông khác. Đến tháng 8 năm 2016, anh D có dẫn một người phụ nữ tên là L ở tỉnh Hòa Bình về và mời anh em họ hàng đến tuyên bố sẽ cưới người phụ nữ đó. Nay anh D xin ly hôn, chị không đồng ý ly hôn vì chị thương các con chị còn nhỏ, nhưng về tình cảm vợ chồng thì chị cũng không xác định được còn hay không.

- Về con chung: vợ chồng chị có hai con chung là A sinh ngày 06/12/2001 và B sinh ngày 16/11/2011, hiện nay đang ở cùng với anh chị, vợ chồng ly hôn thì chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con, không muốn chia rẽ chúng nhưng

điều kiện khó khăn chị chỉ có thể nuôi được một con, nên chị xin được trực tiếp nuôi con A.

- Về tài sản chung: nhất trí như anh D khai ở trên, chị nhất trí với kết quả định giá của Hội đồng định giá đã tiến hành. Nguyên vọng về tài sản được hưởng một nửa giá trị tài sản chung, anh D sử dụng nhà và xe phải thanh toán giá trị tài sản cho chị trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày 20/7/2017.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:*

+ NLQ1 trình bày: Sau khi vợ chồng anh D chị H kết hôn, đã về chung sống và ở cùng nhà với gia đình bà, năm 2009 thì vợ chồng anh D đã phá nhà cũ của bà để xây ngôi nhà mà hiện nay anh chị D đang ở. Khi đó bà có yêu cầu để lại 01 gian nhà của bà cho bà ở nhưng anh chị đã phá dỡ hết. Hiện nay bà đang ở cùng với gia đình chị C là con dâu lớn nhà bà. Về đất thổ cư của vợ chồng bà, khi chồng bà còn sống vợ chồng bà đã chia cho anh C một nửa thổ, còn một nửa thổ anh D xây nhà nay vẫn thuộc quyền sử dụng của bà. Nếu anh D và chị H ly hôn mà Tòa án giao nhà cho anh D sử dụng thì bà vẫn để cho anh D sử dụng đất đó, không đòi hỏi gì.

* Xác minh tại địa phương: Đoàn thể, chính quyền địa phương cung cấp:

Anh D và chị H kết hôn có đăng ký tại UBND xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình vào ngày 12 tháng 01 năm 2001. Sau khi kết hôn vợ chồng anh D về sống cùng gia đình bố mẹ anh D tại thôn N, xã M đến tháng 4/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh D nghi ngờ chị H có quan hệ với người đàn ông khác nhưng thực tế thì chị H không có mối quan hệ bất chính nào, trái lại tháng 8/2016 thì anh D có đưa một người phụ nữ khác về giới thiệu với gia đình là bạn bè về chơi. Từ đó quan hệ vợ chồng không còn tình cảm như trước, anh D có thái độ hắt hủi chị H. Về phía chị H, quan hệ của chị với gia đình nhà chồng, anh chị em chồng không được hòa thuận. Quan điểm địa phương đề nghị Tòa án hòa giải để anh D và chị H đoàn tụ. Về con chung của vợ chồng chị H và anh D có hai con như anh D chị H đã khai, chị H quan tâm chăm sóc chu đáo. Về tài sản chung của vợ chồng anh D chị H: có một ngôi nhà mái bằng làm trên thửa đất thửa đất số 785 Thuộc tờ bản đồ số 11 xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình có diện tích 222,5m²; có số đo các cạnh là: Phía bắc giáp nhà bà Đ có số đo 15,1m; phía nam giáp ngõ đi có số đo 10m; phía tây giáp nhà ông E và nhà ông G có số đo 18,94m; phía đông giáp thửa đất 786 có số đo 18,04m thuộc quyền sử dụng của bố mẹ đẻ anh D là ông F và bà NLQ1. Ông F đã chết ngày 18/02/2004.

* Kết quả định giá tài sản chung, gồm:

- Ngôi nhà xây mái bằng, công trình phụ khép kín tổng diện tích là 111,37m² có giá trị còn lại là 262.387.000đ.

- Chiếc xe nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 17B1- 781.37 có giá trị còn lại là 20.000.000đ.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về việc tiến hành tố tụng của Thẩm phán, hội thẩm nhân dân, thư ký là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh D và chị H được ly hôn.

Về con chung: Giao con B - sinh ngày 16/11/2011 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, giao con A - sinh ngày 06/12/2001 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con giữa anh D và chị H.

Về tài sản chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao nhà và xe cho anh D sử dụng, anh D phải thanh toán một nửa giá trị tài sản chung cho chị H trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày 20/7/2017.

Về án phí: anh D và chị H đều phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm và chi phí về xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Tranh chấp hôn nhân và gia đình mà anh Lưu Văn D khởi kiện yêu cầu giải quyết thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về pháp luật nội dung:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Lưu Văn D và chị Trần Thị H được đăng ký kết hôn hợp pháp. Quá trình chung sống vui vẻ hạnh phúc trong thời gian tương đối dài, tuy nhiên từ năm 2016 đến nay do anh D đi làm ăn xa nhà nên vợ chồng có sự nghi ngờ nhau, không tin tưởng nhau trong vấn đề tình cảm. Cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn ngày càng thêm căng thẳng. Mặt khác quan hệ tình cảm giữa chị H với mẹ chồng và các chị nhà chồng cũng không được hòa thuận. Đến nay anh D vẫn một mực xin ly hôn, chị H tuy không chấp nhận ly hôn nhưng chỉ vì lý do thương các con còn nhỏ. Như vậy chứng tỏ tình trạng hôn nhân và gia đình của anh D và chị H đến nay đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần giải quyết cho anh D và chị H được ly hôn là phù hợp với quy định tại điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

2.2 Về quan hệ con chung: Anh D và chị H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con A, nhưng do con A có nguyện vọng muốn được ở với chị H, mặt khác con A đang trong độ tuổi cần có sự bảo ban, tư vấn của người mẹ. Do vậy

cần giao con A cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, giao con B cho anh D được trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con giữa anh D và chị H là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình.

2.3 Về quan hệ tài sản chung:

- Anh D chị H tạo dựng được ngôi nhà xây mái bằng có diện tích là 111,37m² được định giá tại thời điểm hiện tại là 262.387.000đ. Ngôi nhà xây dựng trên thửa đất số 785 Thuộc tờ bản đồ số 11 xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình có diện tích 222,5m²; có số đo các cạnh là: Phía bắc giáp nhà bà Đ có số đo là 15,1m; phía nam giáp ngõ đi có số đo 10m; phía tây giáp nhà ông E và nhà ông G có số đo là 18,94m; phía đông giáp thửa đất 786 có số đo là 18,04m. Theo tài liệu do Tòa án thu thập thì nguồn gốc thửa đất này là thuộc quyền sử dụng của bố mẹ anh D; Anh D và chị H cũng thừa nhận như vậy; Quyền sử dụng thửa đất đó là di sản thừa kế do ông F đã chết để lại chưa chia. Đến nay những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất (gồm bà LQ1, chị LQ2, chị LQ3, chị LQ4, chị LQ5 và anh D, các con của anh K) đều không có yêu cầu chia mà muốn để cho bà LQ1 được sử dụng toàn bộ, bà LQ1 vẫn để cho anh D sử dụng và không đòi hỏi gì nếu anh D được giao sử dụng nhà. Anh D có nguyện vọng sử dụng ngôi nhà và thanh toán cho chị H một nửa giá trị ngôi nhà trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày 20/7/2017, chị H cũng đồng ý theo nguyện vọng của anh D. Sự tự nguyện định đoạt đó không trái pháp luật nên được Tòa án chấp nhận. Do vậy giao nhà đó cho anh D sử dụng là phù hợp. Tuy nhiên chị H sẽ khó khăn về tạo lập nơi ở mới nên cần cho chị H được quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày quan hệ hôn nhân chấm dứt (khi bản án có hiệu lực pháp luật) theo quy định tại điều 63 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về chiếc xe máy Honda biển kiểm soát 17B1-781.37 mang tên chủ sở hữu là anh Lưu Văn D, trị giá còn lại là 20.000.000đ, hiện nay anh D đang sử dụng, nên giao cho anh D sử dụng, anh D phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị H một nửa giá trị là phù hợp.

Như vậy tổng giá trị tài sản chung gồm nhà và xe của vợ chồng anh D chị H là: 282.387.000đ, anh D sử dụng toàn bộ nhà và xe nên phải thanh toán cho chị H một nửa giá trị là 141.193.000 đ.

- Về nợ chung: Anh D và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 56, 59, 63, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 165, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 612, 613 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

+ Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho anh Lưu Văn D và chị Trần Thị H được ly hôn.

+ Về con chung:

- Giao cho anh Lưu Văn D trực tiếp nuôi con B, sinh ngày 16/11/2011.

- Giao cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi con A, sinh ngày 06/12/2001.

Không đặt ra việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con giữa anh D và chị H. Anh D và chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung.

+ Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Giao cho anh Lưu Văn D được quyền sở hữu xe máy nhãn hiệu Honda biển kiểm soát 17B1-781.37 và ngôi nhà mái bằng, diện tích 111,37m² trên thửa đất số 785 thuộc tờ bản đồ số 11, diện tích thửa đất là 222,5 m² tại thôn N1, xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình có diện tích 222,5m²; có số đo các cạnh là: Phía bắc giáp nhà bà Đ có số đo là 15,1m; phía nam giáp ngõ đi có số đo 10m; phía tây giáp nhà ông E và nhà ông G có số đo là 18,94m; phía đông giáp thửa đất 786 có số đo là 18,04m.

- Anh Lưu Văn D phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Trần Thị H số tiền là: 141.193.000đ trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày 20/7/2017.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, hết thời hạn thanh toán trên, chị H có đơn yêu cầu thi hành án thì anh D phải thanh toán số tiền còn lại và lãi xuất tương ứng với thời gian chưa thi hành án, theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Chị H được quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày quan hệ hôn nhân chấm dứt (khi bản án có hiệu lực pháp luật).

+ Về án phí:

- Anh Lưu Văn D phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm và 7.059.650đ án phí chia tài sản.

Chuyển số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) anh D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0000553 ngày 11/11/2016 và số tiền 2.500.000đ tạm ứng án phí theo biên lai số 0000582 ngày 09/01/2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí. Anh D còn phải nộp 4.559.650đ.

Chị Trần Thị H phải chịu 7.059.650 đ án phí chia tài sản.

- Bà LQ1 và những người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án không phải chịu án phí.

+ Về chi phí định giá tài sản:

- Anh D phải chịu 1.205.000 đ.

- Chị H phải chịu 1.205.000 đ.

Anh D đã nộp để chi là 2.410.000đ, đối trừ được hoàn lại 1.205.000 đ, Số tiền này chị H phải nộp để trả cho anh D.

+ Quyền kháng cáo:

- Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Các đương sự có vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự .

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- UBND xã M.
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Minh Đức

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân
tòa

Thẩm phán - Chủ tọa phiên

Phạm Minh Đức

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân
toà

Thẩm phán - Chủ tọa phiên

Phạm Minh Đức

